

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 14 thủ tục hành chính (*Cấp tỉnh: 12 thủ tục; Cấp huyện: 01 thủ tục; Cấp xã: 01 thủ tục*) trong các lĩnh vực thủy sản, trồng trọt, nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (*có danh mục kèm theo*);

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29 tháng 6 năm 2018; Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10 tháng 12 năm 2018; Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo

đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế:

- Lĩnh vực trồng trọt tại mục A phần I của Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (03 thủ tục hành chính);

- Các thủ tục số 4 đến 14,16, 17, 21 và 22 thuộc lĩnh vực thủy sản được công bố tại Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (14 thủ tục hành chính).

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *tyl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VP: CVP, PVP Trần Văn Đồng,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Hiếu, Khánh_CSDL.

13 *[Signature]*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Chanh Đức

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (*Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT ngày 21/12/2018*)

**1. Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm -
BNN-TGG-288189**

a) Thời hạn giải quyết:

45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Pháp lệnh giống cây trồng, số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và Cây ăn quả lâu năm.

**2. Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm -
BNN-TGG-288190**

a) Thời hạn giải quyết:

30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Pháp lệnh giống cây trồng, số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và Cây ăn quả lâu năm.

3. Cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm - BNN-TGG-288191

a) Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Pháp lệnh giống cây trồng, số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và Cây ăn quả lâu năm.

II. LĨNH VỰC THỦY SẢN (Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018)

1. Xóa đăng ký tàu cá - BNN-TGG-288399

a) Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

2. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá - BNN-TGG-288404

a) Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 5% giá thiết kế, theo Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

3. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác - BNN-TGG-288400

a) Thời hạn giải quyết

02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

4. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá - BNN-TGG-288401

a) Thời hạn giải quyết

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

5. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá - BNN-TGG-288402

a) Thời hạn giải quyết

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá - BNN-TGG-288403

a) Thời hạn giải quyết

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

7. Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) - BNN-TGG-288405

a) Thời hạn giải quyết

02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Ban quản lý Cảng cá Tiền Giang (Khu phố 5, đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.bqlcc@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn). (Tối đa 700.000 đồng/lần).

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

- Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

8. Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá - BNN-TGG-288406

a) Thời hạn giải quyết

03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Theo từng hạng mục tại Thông tư số 230/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

III. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/06/2018)

1. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương - BNN-TGG-288415

a) Thời hạn giải quyết

60 ngày.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snn@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2015 của Chính phủ về Khuyến nông.

B. CẤP HUYỆN

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/06/2018)

1. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương - BNN-TGG-288416

a) Thời hạn giải quyết

60 ngày.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2015 của Chính phủ về Khuyến nông.

C. CẤP XÃ

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (*Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/06/2018*)

1. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương - BNN-TGG-288417

a) Thời hạn giải quyết

60 ngày.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2015 của Chính phủ về Khuyến nông.